**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**Tiết 45:**

**LỖI VỀ THÀNH PHẦN CÂU VÀ CÁCH SỬA**

**I. Mục tiêu bài dạy**

**1. Kiến thức**

- Nhận biết, phân tích và sửa được các lỗi về thành phần câu.

- Đọc và nhận biết các lỗi về thành phần câu trong một câu văn/ đoạn văn bản.

- Phân tích và đưa ra cách sửa lỗi cho phù hợp.

- Viết câu văn, đoạn văn đảm bảo quy tắc ngữ pháp tiếng Việt.

**2. Năng lực**

*- Năng lực chung:*Tự chủ và tự học; Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác; Giải quyết vấn đề theo nhiều cách khác nhau một cách sáng tạo và triệt để.

*- Năng lực riêng:* Ngôn ngữ; Thẩm mỹ; Công nghệ; Tìm hiểu tự nhiên và xã hội.

**3. Phẩm chất**

- Bồi dưỡng tình yêu với tiếng Việt, trân trọng và giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

- Có ý thức viết câu đúng ngữ pháp.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Thiết bị dạy học**

Máy tính, máy chiếu

**2. Học liệu**

- SGK, SGV Ngữ văn 11 Cánh diều.

- Tài liệu tham khảo, video, tranh ảnh liên quan đến bài học

- Phiếu học tập, phiếu đánh giá.

# III. Tiến trình dạy học

**HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối– tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới. Hình thành kiến thức tiếng Việt nền tảng giúp cho HS thực hành làm bài tập trong SGK:

**b. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

**c. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **NHIỆM VỤ 1: KHỞI ĐỘNG*****\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***GV cung cấp, trình chiếu truyện cười dân gian “Mất rồi, cháy”.GV mời 1 HS đọc truyện. GV đặt câu hỏi: Theo em, nguyên nhân nào khiến người khách hiểu nhầm ý cậu bé? Từ đó, em rút ra bài học gì khi giao tiếp?***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***HS quan sát máy chiếu, đọc câu chuyện và suy ngẫm câu trả lời. GV quan sát HS thực hiện nhiệm vụ, hỗ trợ, bao quát. ***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận***Gv mời 1-2 HS chia sẻ. Cả lớp lắng nghe, nhận xét, bổ sung. ***\*Bước 4: Kết luận, nhận định***GV nhận xét câu trả lời của HS. Khen ngợi những câu trả lời đúng. Từ đó GV kết luận, dẫn dắt vào bài mới: ***Khi giao tiếp, nếu chúng ta không đảm bảo các quy tắc ngữ pháp dễ khiến người đọc, người nghe hiểu sai lệch nội dung. Bài học ngày hôm nay sẽ giúp các em nhận diện và sửa chữa các lỗi sai về ngữ pháp.***  | **I. Khởi động****1/ Nguyên nhân khiến người khách hiểu nhầm ý cậu bé:** Cậu bé trả lời thiếu chủ ngữ. **2/ Bài học khi giao tiếp:** * Trả lời đúng vấn đề người nói đang đề cập đến.
* Khi nói phải rõ ràng, đầy đủ chủ ngữ và vị ngữ.
 |
| **NHIỆM VỤ 2: GIỚI THIỆU TRI THỨC LIÊN QUAN*****\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***GV đặt ra các câu hỏi: 1/ Em hãy chỉ ra một số lỗi thường gặp về thành phần câu? 2/ Nguyên nhân nào dẫn đến các lỗi đó? 3/ Em hãy đưa ra giải pháp để phát hiện và sửa lỗi về thành phần câu. HS tiếp nhận nhiệm vụ. ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***HS dựa vào phần Kiến thức Ngữ văn ở đầu Bài 4 để trả lời. ***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận***GV mời HS trả lời các câu hỏi. ***\*Bước 4: Kết luận, nhận định***GV nhận xét câu trả lời của HS và phần chuẩn bị bài ở nhà của HS. GV chốt kiến thức.  | **I. Một số tri thức liên quan*****1. Một số lỗi về thành phần câu thường gặp***- Câu thiếu chủ ngữ- Câu thiếu vị ngữ- Câu thiếu cả chủ ngữ và vị ngữ***2. Cách phát hiện và sửa lỗi về thành phần câu****-* Đọc kĩ lại các câu trong bài. Nếu gặp câu khó hiểu phải kiểm tra xem vì sao khó hiểu. - Nếu nguyên nhân do thiếu thành phần câu, xác định thành phần thiếu là thành phần nào? - Cách sửa: + Bổ sung thêm từ ngữ/ cụm từ làm thành phần bị thiếu. + Cắt bớt từ ngữ để từ ngữ còn lại đảm nhiệm vai trò của thành phần bị thiếu. + Thay đổi trật tự từ để một từ ngữ nhất định đảm nhiệm vai trò của thành phần bị thiếu.  |

**HOẠT ĐỘNG 2: BÀI TẬP THỰC HÀNH**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận diện được các lỗi sai về thành phần câu trong những câu văn cụ thể.

- Phân tích, đánh giá và đưa ra cách sửa cho những câu văn mắc lỗi sai đó.

**b. Sản phẩm:** Bài làm của HS, phiếu học tập

**c. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Thao tác 1: Bài tập 1****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV yêu cầu HS đọc yêu cầu bài tập 1 và hoàn thành.- GV hướng dẫn HS xác định chủ ngữ, vị ngữ trong từng câu. Từ đó chỉ ra các lỗi sai trong từng câu. - HS tiếp nhận nhiệm vụ **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập****-** HS đọc và hoàn thành bài tập 1.**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**- GV mời HS giơ tay nhanh nhất cho mỗi câu để trả lời, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chuẩn kiến thức.**Thao tác 2: bài tập 2****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV yêu cầu HS đọc bài tập 2 và thảo luận nhóm bàn trong 5 phút để hoàn thiện vào phiếu học tập. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**HS thảo luận và hoàn thành bài tập 2. **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**- GV mời 2 nhóm trình bày. - Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chuẩn kiến thức.**Thao tác 3: bài tập 3****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV yêu cầu HS đọc bài tập 3 và làm việc cá nhân vào vở ghi. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**HS hoàn thành bài tập 3.**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**- GV mời 2 HS bất kì trình bày, lí giải. - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chuẩn kiến thức. | 1. **Luyện tập**

**Bài tập 1 - SGK** **-** Tất cả các câu đều mắc lỗi thiếu chủ ngữ. - Nguyên nhân: nhầm trạng ngữ là chủ ngữ. - Cách sửa: **Câu a:** 1. Bỏ chữ “Qua”.
2. Thay chữ “cho” bằng dấu phẩy.

**Câu b:** 1. Bỏ chữ “Trong”
2. Thêm chủ ngữ “chúng ta” sau trạng ngữ.

**Câu c:** 1. Bỏ chữ “Với”
2. Thêm chủ ngữ “nhà văn Nam Cao” sau trạng ngữ.

**Câu d:**1. Bỏ chữ “Từ”
2. Thay chữ “cho” bằng dấu phẩy.

**Bài tập 2 - SGK** **Câu a:** - Lỗi: thiếu chủ ngữ và vị ngữ- Nguyên nhân: do nhầm lẫn trạng ngữ là chủ ngữ, thành phần biệt lập là vị ngữ. - Cách sửa: bỏ chữ “Trong”, thay dấu phẩy bằng chữ “là”**Câu b,c:** - Lỗi: thiếu vị ngữ - Nguyên nhân: nhầm lẫn thành phần biệt lập là vị ngữ. - Cách sửa: thay dấu phẩy bằng chữ “là”**Câu d:** - Lỗi: thiếu vị ngữ- Nguyên nhân: do nhầm định ngữ là vị ngữ. - Cách sửa: thay đổi trật tự từ trong câu: *Tiếng Việt là thứ tiếng mà giới trẻ....***Bài tập 3 - SGK**Câu viết đúng: a2, a3, b1, b2, b4, c2, c3, c4Câu viết sau: a1, b3, c1**Câu a1:** thiếu chủ ngữ (do nhầm trạng ngữ “*Với ý thức sử dụng tiếng Việt trên không gian mạng của giới trẻ”* là chủ ngữ)**Câu b3:** thiếu chủ ngữ ( do nhầm trạng ngữ “*Qua tác phẩm Chữ người tử tù của Nguyễn Tuân* là chủ ngữ) **Câu c1:** thiếu vị ngữ ( do nhầm thành phần biệt lập *“một tác phẩm xuất sắc...tính người”* là vị ngữ) |

**HOẠT ĐỘNG 3: CHỐT LẠI KIẾN THỨC TIẾNG VIỆT**

**a. Mục tiêu:** Nắm được một số lỗi về thành phần câu thường gặp. Biết cách phát hiện và sửa lỗi về thành phần câu.

**b. Sản phẩm:** Sơ đồ tư duy

**c. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***GV yêu cầu HS thiết kế sơ đồ tư duy tóm lược các nội dung kiến thức vừa học. ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***HS sử dụng phần mềm Canva để vẽ nhanh sơ đồ tư duy trong 5p. ***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận***HS nộp bài tập sơ đồ tư duy vào nhóm classroom. GV trình chiếu 1 số sơ đồ tiêu biểu của HS và yêu cầu HS nhận xét, bổ sung. ***\*Bước 4: Kết luận, nhận định***GV nhận xét, kết luận 2 đơn vị kiến thức trọng tâm.  | Sơ đồ tư duy của HS thể hiện 2 nội dung: + Một số lỗi thành phần câu. + Cách sửa lỗi thành phần câu.  |

**HOẠT ĐỘNG 4: TỔNG KẾT**

**a. Mục tiêu:** HS hiểu được ý nghĩa của việc thực hiện các quy tắc ngữ pháp tiếng Việt, cách viết câu đúng thành phần.

**b. Sản phẩm:** Câu trả lời, bài làm HS.

**c. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **1. Những lưu ý khi vận dụng kiến thức tiếng Việt:** GV thuyết trình, giảng giải. **2. Củng cố, mở rộng :** ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***Gv nêu yêu cầu đề bài: Viết đoạn văn trình bày suy nghĩ của em về sự cần thiết của việc đảm bảo các quy tắc ngữ pháp tiếng Việt trong giao tiếp. HS tiếp nhận nhiệm vụ.***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***HS viết nhanh đoạn văn vào vở ghi trong 10p. ***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận***GV mời 1 HS trình bày đoạn văn. HS còn lại quan sát bảng kiểm để nhận xét, đánh giá. ***\*Bước 4: Kết luận, nhận định***Gv nhận xét đoạn văn của HS; nhận xét HS nói, nghe, tương tác.  | **1. Những lưu ý khi vận dụng kiến thức tiếng Việt:** - Trong giao tiếp: Nói đầy đủ chủ ngữ, vị ngữ, không rút gọn. - Khi viết: Viết câu đơn 1 cụm chủ - vị; phải xác định được chủ ngữ, vị ngữ trong từng câu. **2. Củng cố, mở rộng:** - Giải thích: đảm bảo các quy tắc ngữ pháp tiếng Việt là thực hiện đúng, đủ các yêu cầu về thành phần câu; ko viết/nói những câu thiếu chủ ngữ, vị ngữ hoặc dễ gây hiểu lầm. - Bàn luận: + Đảm bảo các quy tắc ngữ pháp tiếng Việt giúp cho quá trình giao tiếp đạt hiệu quả: người nghe nhanh chóng hiểu được nội dung, ý đồ của người nói; ko bị hiểu sai, hiểu lệch. + Hình thành cách giao tiếp lễ phép, thể hiện sự tôn trọng với người nghe. + Việc làm này còn góp phần tạo nên sự trong sáng, mạch lạc của tiếng Việt.  |

# PHỤ LỤC

**PHIẾU HỌC TẬP**

**( Dùng cho bài tập 2 – SGK)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Lỗi** | **Nguyên nhân** | **Cách sửa** |
| **a** |  |  |  |
| **b** |  |  |  |
| **c** |  |  |  |
| **d** |  |  |  |

# BẢNG KIỂM ĐOẠN VĂN

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phương diện** | **Tiêu chí đánh giá** | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| Nội dung | Đúng chủ đề đoạn văn  |  |  |
| Có liên kết, logic, thống nhất  |  |  |
| Hình thức  | Đảm bảo hình thức đoạn văn  |  |  |
| Không mắc lỗi về thành phần câu  |  |  |
| Không mắc lỗi chính tả, dùng từ.  |  |  |
| Trình bày sạch sẽ, không gạch xoá  |  |  |

**SƠ ĐỒ TƯ DUY**

